

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2022/DS-PT

Ngày: 29-9-2022

V/v “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh

Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc: “Hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2022/QĐXXPT-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa:

***Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: tổ 7, KP.X, P.T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng Ph, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

***Bị đơn:** Bà Phan Thị H, sinh năm 1978; Địa chỉ: khu phố T, phường T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1984; Địa chỉ: 302 T, P. P, TP. T, Bình Dương.

Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1973; Địa chỉ: khu phố T, phường T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: 89, Phạm Ngọc Thạch, tổ 72, khu phố 5, P.H, TP. T, tỉnh Bình Dương.

***Người kháng cáo:** Bị đơn bà Phan Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và vợ chồng bà Phan Thị H (tên thường gọi là H quen biết nhau đã lâu, giữa bà H và bà H hay có sự mượn tiền qua lại để làm ăn. Những lần vợ chồng bà H mượn tiền, bà H đều tự mình ghi các khoản nợ vào cuốn sổ tay của bà H, khi nào trả xong thì bà H sẽ gạch bỏ khoản nợ và ghi chữ R, cụ thể:

- Ngày 01/04/2020, bà H có mượn bà H số tiền là 9.931.000.000 đ (Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm ba mươi một triệu đồng). Khoản này hiện nay đã trả.

- Ngày 01/05/2020 bà H lại mượn bà H số tiền là 900.000.000đ (Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng). Khoản này hiện đã trả.

- Ngày 01/08/2020 bà H (H) có mượn bà H số tiền là 12.359.200.000 đ (Bằng chữ: Mười hai tỷ ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

- Ngày 26/09/2020, bà H tới nhà bà H để trả bớt tiền cho bà H và hai bên chốt lại nợ là bà H còn nợ bà H số tiền là 9.500.000.000đ (Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm triệu đồng), thời điểm chốt là ngày 01/09/2020. Tuy nhiên do trong sổ ghi nợ, ở dòng mượn tiền ghi tên Hương mượn tiền nhưng phía cuối giấy nợ thì lại ký tên Phan Thị H nên con trai bà H không đồng ý. Bà H yêu cầu bà H viết lại cho bà H một tờ giấy nợ khác ghi rõ họ tên, số tiền vay là 9.500.000.000đ, thời gian vay từ ngày 01/09/2020 đến ngày 01/10/2020. Bà H đồng ý và bà H đã gạch bỏ số tiền nợ trong cuốn sổ tay và chuyển thành tờ giấy mượn tiền.

- Ngày 01/10/2020 bà H tới nhà bà H để chốt lại nợ, bà H đồng ý viết cho bà H giấy nợ mới với số tiền là 9.785.000.000đ (Chín tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng), thời gian vay từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/11/2020, lãi suất thỏa thuận miệng là 1.000đ/ ngày/1.000.000đ. Sau đó, bà H đã trả lại cho bà H tờ giấy nợ gốc đề ngày 01/09/2020 (số tiền mượn là 9.500.000.000đ)

Tất cả chữ viết trên giấy mượn tiền đều do bà H tự viết, không bị ai ép buộc, hay lừa dối, bà H tự mình ký tên và ghi rõ họ tên.

Đến thời hạn trả nợ, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng không thành công, vì vậy bà H đã nộp đơn khởi kiện.

Bà H khẳng định không có cho bà Phượng, ông H vay mượn số tiền này.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Phan Thị H và ông Nguyễn Ngọc Q trả cho bà H số tiền gốc 9.785.000.000 đồng (Chín tỷ bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng) và tiền lãi 1.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 3%/tháng cho đến ngày bà H, ông Q thanh toán hết nợ (tạm tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/12/2021 là 3.522.600.000đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị H là ông Lê Văn S trình bày: Bà H có mối quan hệ quen biết với bà H vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Ph. Trước đây vợ chồng ông H, bà Ph có nhu cầu vay tiền làm ăn kinh doanh, bà H có giới thiệu cho ông H, bà Ph vay tiền của bà H.

Bà H đã cho ông H và bà Ph vay số tiền 13.500.000.000đ (Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng). Việc vay này ông H, bà Ph có ký giấy mượn nợ (đã nộp cho tòa án).

Khoảng từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2020, bà H và nhiều người khác biết được ông H, bà Ph bị nhiều người khởi kiện yêu cầu đòi nợ. Do ông H, bà Ph

vay tiền bà H nên bà H đã nhanh chóng yêu cầu ông H, bà Ph trả nợ vay cho mình nhưng không được.

Thấy không đòi được tiền của ông H, bà Ph thì bà H quay sang đòi nợ bà H với lý do bà H là người giới thiệu, nếu bà H không giới thiệu thì bà H không cho vay và không có nguy cơ mất tiền. Bà H đã không đồng ý với yêu cầu đó của bà H.

Ngày 26 tháng 09 năm 2020, bà H cho con trai của bà tên là Ngh chặn xe ô tô của bà H ở ngã tư Đồng Xoài ép bà H ra nhà bà H tại đường Lê Thị Riêng, phường Tân Bình, thành phố Đ, bắt bà H vào nhà bà H cùng con trai ruột của bà tên là Ngh và con dâu tên là Hiền (vợ của Ngh) ép bà H ký giấy nhận nợ ghi ngày 01/10/2020.

Bà H không đồng ý ký vì khoản nợ này không phải bà H vay mà do vợ chồng ông H, bà Ph vay (bà H chỉ là người giới thiệu). Lúc đó Ngh, con trai bà H liền bấm cửa cuốn tự động xuống, khóa cửa, nhốt bà H ở trong nhà, đồng thời rút camera ra rồi xuống bếp lấy cái kéo chạy đến dí vào cổ bà H, vừa dí kéo vừa dọa nạt, lớn tiếng đe dọa tính mạng bà H. Trong tình thế bị ép buộc bà H phải ký giấy nhận nợ với bà H trong khi bà H không vay tiền từ bà H mà chỉ giới thiệu vợ chồng ông H, bà Ph vay tiền của bà H.

Ông H, bà Ph vay của bà H 13.500.000.000đ (Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng) tuy nhiên khi ép bà H ký giấy nợ với số tiền 9.785.000.000đ (Chín tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng) là vì lúc này bà H cần trừ số tiền bà H đang nợ bà H 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng)

Sau khi có giấy nợ, ngày 22/10/2020, bà H cùng nhiều thanh niên còn đồ đến quán cơm chay Thiện Duyên của gia đình bà H, tại địa chỉ số 12, đường Phạm Ngọc Thảo, phường Tân Bình, thành phố Đ, dùng mọi thủ đoạn để đe dọa cưỡng ép bà H phải trả số nợ của ông H, bà Ph, nếu không thì sẽ lãnh hậu quả nghiêm trọng, dọa chặt đầu và giết bà H (trước mặt mẹ già và anh trai bà H), nếu gặp bà H bất cứ ở đâu sẽ gây hoang mang, hoảng loạn, khủng bố tinh thần mẹ già, khiến cho cuộc sống gia đình bà H đảo lộn (có camera lưu lại hình ảnh và giọng nói).

Sau đó, bà H đã làm đơn tố giác tội phạm gửi cơ quan Công an Thành phố Đ nhưng không được giải quyết thỏa đáng, bà H tiếp tục gửi đơn đến cơ quan công an tỉnh Bình Phước, vụ việc vẫn đang được thụ lý giải quyết chưa có kết quả cuối cùng. Khi vụ việc đang được giải quyết bằng việc tố giác tội phạm thì bà H dùng giấy ép bà H mượn nợ để khởi kiện bà H ra Tòa án nhân dân thành phố Đ. Bà H không vay tiền của nguyên đơn thì không thể nói bà H là người có nghĩa vụ mà Thẩm phán lại phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Để chứng minh cho những vấn đề bà H tự khai trên là hoàn toàn đúng sự thật:

Thứ nhất: Theo giấy mượn tiền ghi ngày 01/12/2019 bên mượn tiền là ông H và bà Phượng, bên cho mượn là bà H. Như vậy là bà H hoàn toàn không mượn tiền của bà H.

Thứ hai: ông H, bà Ph thanh toán tiền lãi vay bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của bà H. Điều đó khẳng định, ông H,

bà Ph mới là người vay tiền của bà H, nếu không vay sao lại thanh toán tiền lãi vay? (đã thể hiện tại bản sao kê của Ngân hàng).

Đối với bản Bản tự khai của bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Mạnh H có nội dung ...” *khẳng định vợ chồng Phụng, Huân và chị Nguyễn Thị H không hề có việc vay mượn gì cả, chỉ là quan hệ bình thường. Việc tôi viết giấy mượn tiền của chị Hiền là do chị Hiền (H nhờ, mục đích là muốn cản trừ khoản nợ để chị Hiền không đi đòi chị Hiền...)*”. Bà H không đồng ý với lời trình bày của bà Phụng, ông H tại bản tự khai này.

Còn việc bà H yêu cầu bà H và ông Q có trách nhiệm trả nợ thì bà H có ý kiến là bà H và ông Q là vợ chồng với nhau nhưng việc bà H làm ăn không liên quan đến ông Q và ông Q không biết việc bà H làm ăn như thế nào.

Nay bà H không đồng ý trước yêu cầu của bà H.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bà Ph với bà Nguyễn Thị H và bà Phan Thị H (tên thường gọi là H có quan hệ quen biết nhau. Bà Ph hay mượn tiền của bà H để làm ăn kinh doanh, còn với bà H chỉ là biết nhau thông qua một người bạn là chị Lê Thị Thu Hà, chứ không có làm ăn chung hay giao dịch về tiền bạc.

Vào khoảng cuối năm 2019 hay giữa năm 2020 gì đó bà Ph không nhớ rõ thời gian, bà H và anh Phương – Phó Giám đốc chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ có nhờ vợ chồng bà Ph viết giấy nợ là chúng tôi có đang nợ bà H một số tiền. Ban đầu, bà Ph không đồng ý vì bà Ph và bà H không có làm ăn chung với nhau, giữa chúng tôi không hề có việc cho mượn tiền qua lại. Nhưng bà H và anh Phương cứ năn nỉ bảo bà Ph cố gắng giúp giùm vì theo như bà H (H nói thì bà ấy đang mượn tiền của bà Hiền nhưng chưa có khả năng trả, bà H đòi nhiều quá khiến bà H mệt mỏi nên muốn vợ chồng tôi viết giấy nhận nợ thay để bà H không đi đòi bà H (H nữa. Lúc đó vợ chồng bà Ph cũng có bàn bạc vì bà Ph mượn tiền bà H không có viết giấy nợ nên giờ bà H yêu cầu bà Ph ghi giấy nợ cho bà H thì bà Ph cũng đồng ý. Trên tờ giấy nợ chỉ có chữ ký của vợ chồng bà Phụng, không có chữ ký của bà H, bà H không hề biết việc này.

Sau khi biết việc bà Ph nhận nợ thay cho bà H (H, bà H có gọi điện cho bà Ph và trách móc tại sao lại tự ý viết giấy nợ, bà ấy bảo có làm ăn gì với bà Ph đâu, bà ấy chỉ biết bà H (H mượn tiền của bà ấy thì bà ấy đi đòi thôi. Bà Ph xin lỗi và có nói lý do là được bà H nhờ. Thời gian sau, vì không muốn bà H hiểu lầm nên vợ chồng bà Ph có viết tờ “Giấy xác nhận” giữa vợ chồng bà Ph và bà H không có vay mượn, mua bán, giao dịch tiền bạc.

Còn về phần tiền lãi, hàng tháng bà Ph đều đưa trực tiếp cho bà H. Nhưng có vài lần bà Ph bận việc nên đề nghị bà H cho bà Ph chuyển khoản. Bà H đồng ý và cho bà Ph số tài khoản của bà H, bảo bà Ph chuyển tiền lãi vào đó. Còn việc bà H có thực sự mượn tiền bà H hay không thì bà Ph không rõ.

Cuối năm 2020 bà Ph được Công an Thành phố Đ và Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Phước triệu tập để làm rõ một vài vấn đề theo đơn tố giác của

bà Phan Thị H và bà Ph đã khai đầy đủ những gì bà Ph biết, trong đó có việc bà H nhờ bà Ph viết giấy nhận giấy nợ thay.

Tại bản tự khai này, bà Ph một lần nữa xin khẳng định giữa vợ chồng bà Ph và bà Nguyễn Thị H không hề có việc vay mượn, chỉ là quan hệ bạn bè bình thường. Việc bà Ph viết giấy mượn tiền của bà H là do bà H (H nhờ, mục đích là muốn cản trừ khoản nợ để bà H không đi đòi bà H được nữa. Bà H cũng không đồng ý việc này vì bà ấy cho bà H vay nên chỉ biết mỗi bà H. Còn việc bà Ph chuyển khoản mấy tháng tiền lãi mà bà Ph nợ bà H qua tài khoản của bà H là do bà H nhờ bà Ph nên bà Ph làm theo. Việc vay mượn tiền giữa bà H và bà H không liên quan đến bà Phụng, bà Ph không biết sự việc cụ thể như thế nào. Vì vậy, bà Ph không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu độc lập nào. Do điều kiện xa xôi và công việc bận rộn nên bà Ph xin phép không tham gia các buổi làm việc tại tòa án. Kính đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh H trình bày:
Vợ ông H với bà Nguyễn Thị H và bà Phan Thị H (tên thường gọi là H có quan hệ quen biết nhau. Vợ chồng ông H hay mượn tiền của bà H (H để làm ăn kinh doanh, còn vợ ông H với bà H chỉ là quen nhau thông qua một người bạn là chị Hà, chứ không có làm ăn chung hay giao dịch về tiền bạc.

Trong quá trình làm ăn vợ chồng ông H đã nhiều lần mượn tiền của bà H (H. Ông H nhớ có một lần, vợ ông H nói với ông H là bà H muốn nhờ vợ chồng ông H viết giấy nợ là vợ chồng ông H có đang nợ bà H một số tiền. Ông H không đồng ý vì vợ chồng ông H và bà H không có làm ăn chung với nhau, giữa chúng tôi không hề có việc cho mượn tiền qua lại. Nhưng rồi ông H cũng đồng ý vì vợ ông H bảo mình đang vay tiền của bà H nhưng không có ghi giấy nợ thì thôi giúp bà ấy chứ để bà H đi đòi tiền bà H nhiều quá cũng tội. Trên tờ giấy nợ chỉ có chữ ký của vợ chồng ông H, không có chữ ký của bà H, bà H không hề biết việc này. Thời gian sau, vì không muốn bà H hiểu lầm nên vợ chồng ông H có viết tờ “Giấy xác nhận” giữa vợ chồng ông H và bà H không có vay mượn, mua bán, giao dịch tiền bạc.

Còn việc chuyển trả lãi hàng tháng cho bà H như thế nào thì ông H không rõ vì ông H tin tưởng vợ ông H nên toàn bộ chuyện làm ăn ông H để cho vợ ông H tự đứng ra giao dịch.

Tại bản tự khai này, ông H một xin khẳng định giữa vợ chồng ông H và bà Nguyễn Thị H không hề có việc vay mượn gì cả, chỉ là quan hệ bạn bè bình thường. Việc ông H viết giấy mượn tiền của bà H là do bà H (H nhờ, mục đích là muốn cản trừ khoản nợ để bà H không đi đòi bà H được nữa nhưng bà H không đồng ý vì bà nói cho bà H vay nên sẽ tự đi đòi bà H. Việc vay mượn tiền giữa bà H và bà H không liên quan đến vợ chồng ông H, ông H không biết sự việc cụ thể như thế nào. Vì vậy, ông H không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu độc lập nào. Do điều kiện xa xôi và công việc bận rộn nên ông H xin phép không tham gia các buổi làm việc tại tòa án. Kính đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc bà Phan Thị H và ông Nguyễn Ngọc Q phải liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 9.500.000.000 đồng tiền gốc và 1.551.666.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 11.051.666.000 đồng (Mười một tỷ không trăm năm mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 02/4/2021 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ để đảm bảo việc thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/5/2022 bị đơn bà Phan Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong trường hợp chưa đủ cơ sở thuyết phục để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị HĐXX xem xét hủy án sơ thẩm để xét xử lại do cấp sơ thẩm đã nhận định quá nhiều sai lầm, không khách quan, áp dụng pháp luật không đúng và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308, của BLTTDS, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo bị đơn thực hiện trong thời hạn luật định; Đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn, HĐXX xét thấy:

[2.1] Theo Giấy mượn tiền ngày 01/10/2020 thể hiện bà Phan Thị H có mượn của bà Nguyễn Thị H số tiền 9.785.000.000 đồng, hạn trả ngày 01/11/2020.

Người mượn tiền bà Phan Thị H ký tên và người cho mượn bà Nguyễn Thị H ký tên.

Bà H cho rằng Giấy vay này là giấy chốt nợ của nhiều lần bà H vay tiền của số tiền 12.359.200.000 đồng mà bà H vay của bà H từ ngày 01/8/2020, trong số tiền này bà H cho bà H vay nhiều lần và cả chơi hội cộng dồn lại rồi trả chưa dứt khoát (chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì vay từ tháng 3/2020). Ngày 26/9/2020, bà H và bà H chốt nợ với nhau, sau khi chốt số nợ còn lại đến ngày 01/9/2020 bà H mới viết giấy mượn tiền” còn nợ bà H số tiền là 9.500.000.000 đồng (chín tỷ năm trăm triệu đồng). Tuy nhiên, do tên người mượn tiền ghi “em Hương” nhưng ký tên là Phan Thị H nên ngày 01/10/2020, bà H yêu cầu bà H viết lại “giấy mượn tiền”, do tiền lãi các bên thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng nhưng từ 01/9/2020 – 01/10/2020 bà H chưa trả lãi từ ngày 01/9/2020 đến ngày 01/10/2020 cho bà H nên bà H mới ghi số tiền nợ bà H là 9.785.000.000 đồng, trong số tiền này thì 285.000.000 đồng là tiền lãi, hạn thời gian 01/11/2020 sẽ trả. Còn bà H không thừa nhận cho rằng bà H chỉ là người giới thiệu cho bà Phượng, ông H vay tiền của bà H, việc vay mượn và hình thức trả lãi thì theo thỏa thuận của ông H, bà Ph và bà H. Sau đó ông H, bà Ph không có khả năng chi trả nên ngày 26/9/2020, bà H có yêu cầu bà H đến nhà bà H để giải quyết. Ngày 01/10/2020 khi đến nhà bà H thì bà H đã có hành vi ép buộc bà H viết giấy nhận nợ số tiền là 9.785.000.000 đồng thay cho ông H, bà Ph. Bà H yêu cầu hủy giấy mượn tiền ký vào ngày 01/10/2020 giữa bà H và bà H. Còn ông H, bà Ph chỉ thừa nhận có vay tiền của bà H và không thừa nhận có việc việc vay mượn tiền với bà H. Giấy nhận nợ có nội dung “...ông H, bà Ph có mượn chị Kim Hiền-Đồng Xoài số tiền 13.500.000.000 đồng..” Người mượn là Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị Ph ký tên. Giấy này là do bà H nhờ viết vì lúc đó bà H có nói là bà H vay tiền của bà H và chưa trả được nên ngày nào bà H cũng đi đòi bà H và làm cho bà H mệt mỏi, nên bà H nhờ vợ chồng ông H viết giấy và nói rằng vợ chồng ông H nhận nợ thay bà H và bà H sẽ trừ số tiền này cho vợ chồng ông H. Tuy nhiên khi vợ chồng ông H viết giấy trên cho bà H thì bà H không đồng ý nên vợ chồng Huân cũng có nói với bà H là bà H không đồng ý không ngờ bà H không xé bỏ tờ giấy này.

[3] Xét thấy lời trình bày của bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ căn cứ vào các giấy vay ngày 22/3/2020, ngày 01/4/2020, ngày 01/5/2020, ngày 01/8/2020, ngày 19/8/2020, ngày 26/9/2020 (bút lục từ 198-203) thể hiện bà Phan Thị H (còn gọi là H có vay tiền của bà H và đã được gạch bỏ. Tại giấy vay ngày 26/9/2020 bà H viết và có nội dung “*em Hương chốt sổ đến nay còn nợ lại chị Hiền là 9.500.000.000 đồng tính đến ngày 01/9/2020 “đã chốt xong”*”, bà Hiền ký tên. Phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Thảo (là người làm chứng do bà H đề nghị Tòa án triệu tập). Bà Hương, bà Thảo đều thể hiện bà H có nhiều lần vay tiền của bà H, còn việc vay mượn như thế nào thì không rõ. Mặt khác, bà H là người viết giấy chốt nợ cho bà H vào ngày 26/9/2020, bà H cho rằng bà H ép buộc nhưng khi viết giấy ngày 26/9/2020 xong bà H không có khiếu nại, tố cáo ngày sau khi chốt nợ. Cho đến ngày 24/10/2020 (gần 27 ngày sau) bà H mới có đơn tố cáo bà H có liên quan đến

việc vay mượn tại cơ quan CSĐT Công an Thành phố Đ, vụ việc đã được cơ quan CSĐT Công an Thành phố Đ giải quyết bằng Quyết định không khởi tố vụ án số 34/ĐTTH ngày 12/01/2021, ngoài ra Giấy nhận nợ có nội dung “...ông H, bà Ph có mượn chị Kim Hiền-Đồng Xoài số tiền 13.500.000.000đồng..” do bà H cung cấp cũng chỉ có chữ ký của người mượn tiền là ông H, bà Ph, không có chữ ký của cho vay là bà H và tại lời khai của ông H, bà Ph thừa nhận giấy trên được viết do bà H nhờ ông H, bà Ph viết để cản trừ nợ giữa bà H và bà H vì ông H, bà Ph có nợ tiền của bà H nhưng khi bà Phượng, ông H viết xong thì bà H không đồng ý cho việc cản trừ này và ông H, bà Ph khẳng định không có nợ tiền của bà H. Vì vậy, việc bà H cho rằng giấy vay tiền ngày 01/10/2020 là bị ép buộc, đe dọa ký, thực tế là nhận nợ dùm ông H, bà Ph là không có cơ sở xem xét.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa lời trình bày của Hiền và ông Sự là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị H còn nhiều điểm mâu thuẫn, chưa rõ thể hiện “ông H, bà Ph vay của bà H 13.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi ép bà H ký nhận nợ với số tiền 9.785.000.000 đồng là vì lúc này bà H cản trừ số tiền bà H đang nợ bà H 4.000.000.000 đồng” và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/12/2021 nguyên đơn bà H xuất trình các chứng cứ các giấy vay ngày 22/3/2020, ngày 01/4/2020, ngày 01/5/2020, ngày 01/8/2020, ngày 19/8/2020, ngày 26/9/2020 (bản gốc) bà H và ông Sự là người đại diện theo ủy quyền của bà H đã biết có các chứng cứ này nhưng cũng không có ý kiến và ông Sự cho rằng bà Ph là người vay tiền của bà H nên có việc bà Ph chuyển trả tiền lãi vào tài khoản của bà H. Ngoài ra, bà H cung cấp cho Tòa án là bản sao kê tiền bà Ph gửi Ngân hàng cho bà H và cho rằng bà Ph trả tiền lãi vay cho bà H, tuy nhiên nội dung chuyển khoản không thể hiện bà Ph trả tiền lãi cho bà H mà chỉ thể hiện nội dung bà Ph trả tiền hàng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm bà H cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó việc bà H cho rằng không vay nợ bà H là không có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu của bà H về việc buộc ông Nguyễn Ngọc Q (chồng bà H) phải liên đới cùng trả nợ và tiền lãi phát sinh cùng bà Phan Thị H, thấy rằng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/02/2022, đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng hiện ông Nguyễn Ngọc Q đã ly thân (không còn chung sống) với bà Phan Thị H và không còn sinh sống ở địa chỉ khu phố Tân Đồng 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và ông Sự cung cấp giấy đăng ký kết hôn (bản phô) của bà Phan Thị H và ông Nguyễn Ngọc Q đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Hòa, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk số 27/1997 vào ngày 27/3/1997. Tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 09/3/2022 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thiện cung cấp ông Nguyễn Ngọc Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tân Đồng 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, hiện ông Q vẫn sinh sống tại địa chỉ trên nhưng ông Q thường xuyên vắng nhà do làm nghề chạy xe khách.

Ngoài ra, tại các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện tại bút lục (104 -106) thể hiện ngày 01/4/2021 bà H, ông Q lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 115 Trương Đăng quế quận Gò Vấp thành phố

Hồ Chí Minh tọa lạc tại Thủ Đức số 521 tờ bản đồ số 100 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bên chuyển nhượng ông Nguyễn Ngọc Q cùng vợ là bà Phan Thị H chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ông Nguyễn Hồng Ph trong hợp đồng có giấy đăng ký kết hôn kèm theo. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 27, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình thì tại thời điểm này, ông Q và bà H vẫn còn quan hệ vợ chồng. Như vậy có đủ căn cứ xác định ông Q vẫn sinh sống tại Tân Đồng 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Q vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ông Q, như vậy ông Q đã tự mình từ bỏ việc chứng minh nghĩa vụ trả nợ.

[6] Đối với số tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án lời khai của bà H tại Cơ quan điều tra Công an Thành phố Đ và lời trình bày của ông Phong là người đại diện theo ủy quyền của bà H thừa nhận giấy vay ngày 01/10/2020 số tiền 9.785.000.000 đồng, trong đó có 9.500.000.000 đồng tiền gốc và 285.000.000 đồng là tiền lãi cộng vào và yêu cầu bà H, ông Q phải thanh toán lãi theo mức lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể: $9.785.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / 12 \text{ tháng} \times 18,5 \text{ tháng} = 3.017.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền gốc và lãi yêu cầu buộc nguyên đơn là bà H, ông Q liên đới trả số tiền là: $9.785.000.000 \text{ đồng} + 3.017.000.000 \text{ đồng} = 12.802.000.000 \text{ đồng}$ (Mười hai tỷ, tám trăm lẻ hai triệu đồng).

Do đó, cần xác định bà H cho bà H chót nợ gốc ngày 01/9/2020 là 9.500.000.000 đồng, bị đơn bà H không thừa nhận việc vay mượn tiền của bà H vì vậy không xác định được lãi suất các bên thỏa thuận là bao nhiêu, trong giấy mượn tiền cũng không thể hiện việc vay có lãi. Theo quy định, tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự thì bà Nguyễn Thị H cho bà Phan Thị H, ông Nguyễn Ngọc Q vay tiền là vay có thời hạn, không có lãi.

Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định:

“1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc)”

[7] Đối với yêu cầu tính lãi: Giấy vay ngày 01/10/2020 thể hiện bà H còn nợ bà H số tiền 9.785.000.000 đồng trong đó có 285.000.000 đồng là tiền lãi của 01 tháng với lãi suất là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thừa nhận số tiền 285.000.000 đồng này là tiền lãi nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Mặc dù bị đơn bà H không có yêu cầu tính lại số tiền lãi vượt quá quy định. Tuy nhiên do lãi suất các bên thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng là vượt quá quy định của pháp luật, là trái quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần tính lại.

[8] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật. Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ. Do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn bà Phan Thị H.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.
Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
Căn cứ Điều 27 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2015.
3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.
4. Buộc bà Phan Thị H và ông Nguyễn Ngọc Q phải liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 9.500.000.000 đồng tiền gốc và 1.551.666.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 11.051.666.000 đồng (Mười một tỷ không trăm năm mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 02/4/2021 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ để đảm bảo việc thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Ngọc Q phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 119.051.000 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm năm mươi một ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 55.960.000 đồng (Năm mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 59.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0025348 ngày 13/11/2020 và số tiền 808.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0026218 ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả cho bà H số tiền 3.848.000 đồng (Ba triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004378 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

7. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thư